CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---oOo---	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **37**/2013/TB-HTC	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2013*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG 24 GIỜ

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN**

Trụ sở chính : 53/1D Lý Thường Kiệt, Thị Trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, TPHCM

Điện thoại : (08) 38915294 – 38913942

Fax : (08) 38910457

Người thực hiện công bố thông tin : Ông NGUYỄN NGỌC THẢO

Trụ sở chính : 53/1D Lý Thường Kiệt, Thị Trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, TPHCM

Điện thoại : (08) 38915294 – 38913942

Fax : (08) 38910457

Nội dung thông tin công bố

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 24/4/2013 về việc chỉ định đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, ngày 23/5/2013, Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đã ký kết với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) Hợp đồng kiểm toán số 2095/13/AUD.VVALUES về việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn.

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn xin gửi kèm Hợp đồng kiểm toán số 2095/13/AUD.VVALUES nói trên đến quý cơ quan và đăng tải trên trang thông tin của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

Nguyễn Ngọc Thảo

Nơi nhận :
- Như trên;
- CBTT trên website Công ty;
- Lưu VT, TK.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2013

Số: 2095 /13/AUD.VVALUES

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn.

- *Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;*
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;*
- *Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH2012 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011;*
- *Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;*
- *Thực hiện Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng Kiểm toán;*
- *Căn cứ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2013 và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2013.*

Hai bên gồm:

Bên A : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN**
(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là ông : **LÊ VĂN MỴ**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : +84 (8) 3710 0921

Fax : +84 (8) 3891 0457

Địa chỉ : 53/1 D Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0302481483

Bên B : **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (*VIETVALUES*®)**
Công ty Thành viên của Reanda International
(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là : **Ths. NGUYỄN THANH SANG**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Email : thanhsang@vietvalues.com

Điện thoại : +84 (8) 3999 0091 ~ 97

Fax : +84 (8) 3999 0090

Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0303128175

Tài khoản : 1401 14851 034 725 tại Eximbank, Chi nhánh Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh.

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán:

1. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
2. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A.

Công việc kiểm toán sẽ được Bên B tiến hành cụ thể như sau:

- Đợt 01: Kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 và phát hành Báo cáo kết quả công tác soát xét cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- Đợt 02: Sau khi kết thúc niên độ và khóa sổ kế toán năm 2013: tiến hành kiểm toán chính thức, sau đó phát hành Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thư quản lý (nếu có).
- Dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn và công ty con, Bên B sẽ tổng hợp số liệu và lập Báo cáo kiểm toán Hợp nhất gửi đến Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn.

Từng đợt kiểm toán như trên sẽ được thực hiện ngay sau khi Bên A hoàn tất các loại sổ kế toán và Báo cáo theo quy định hiện hành của nhà nước và phải báo cho Bên B trước 01 tuần.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

(a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;

(b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

(c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

(i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

(ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

(iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kết quả công tác soát xét kèm theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được phát hành 05 (năm) bộ tiếng Việt:
  - + Bên A: 04 (bốn) bộ
  - + Bên B: 01 (một) bộ

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được phát hành 05 (năm) bộ tiếng Việt:
  + Bên A: 04 (bốn) bộ
  + Bên B: 01 (một) bộ
- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được phát hành 05 (năm) bộ tiếng Việt:
  + Bên A: 04 (bốn) bộ
  + Bên B: 01 (một) bộ
- Thư quản lý (nếu có) sẽ đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Thư quản lý (nếu có) được phát hành 02 (hai) bộ tiếng Việt:
  + Bên A: 01 (một) bộ
  + Bên B: 01 (một) bộ

Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng Báo cáo, phần báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc của Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là:

▪ Phí dịch vụ thuần:		
▪ *Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013*	:	*70.000.000 đồng*
▪ *Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013*	:	*20.000.000 đồng*
▪ Cộng	:	90.000.000 đồng
▪ Thuế GTGT (10%)	:	9.000.000 đồng
▪ **Tổng cộng**	**:**	**99.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Chín mươi chín triệu đồng chẵn)./.

Phí dịch vụ đã bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

4.2 Phương thức thanh toán

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi hợp đồng được ký kết, 50% số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ kiểm toán và dự thảo Báo cáo kiểm toán đã được Bên A ký chấp nhận.
- Bên B sẽ phát hành Hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên B bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán. Thời gian này dựa trên cơ sở Bên A cung cấp đầy đủ và đồng bộ hồ sơ, tài liệu chứng từ kế toán có liên quan đến cuộc kiểm toán.

ĐIỀU 6: HỦY HỢP ĐỒNG

Nếu Bên A hủy hợp đồng này do lỗi của Bên A, Bên B có quyền phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán khoản phí nhằm bù đắp thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay bất đồng phát sinh giữa các bên liên quan trong hợp đồng này hoặc vi phạm hợp đồng thì trước hết sẽ được hai bên giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành thì việc tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế do hai bên lựa chọn. Phán quyết của tòa án sẽ được xem là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các bên tham gia ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực sau khi hai bên đã ký kết và có đầy đủ con dấu của hai bên.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản chính, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau,
- Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

Đại diện Bên B	**Đại diện Bên A**
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN	**CÔNG TY CỔ PHẦN**
& TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (*VIETVALUES*®)	**THƯƠNG MẠI HÓC MÔN**
TỔNG GIÁM ĐỐC	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Ths. NGUYỄN THANH SANG	**LÊ VĂN MỸ**